TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2024/KDTM-ST Ngày 01-02-2024 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 68/2023/TLST- KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH T; trụ sở: Số 45 đường C, phường Ph thành phố Nh, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị Kim Ch, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 169 Tr, thành phố Nh, tỉnh Khánh Hòa; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Xây dựng Ph; trụ sở: Số 26/8 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH T là bà Võ Thị Kim Chinh trình bày: Ngày 10/6/2017, Công ty TNHH T (Công ty T) đã ký Hợp đồng kinh tế số 10.6/2017/HĐKT/PX-TTP với Công ty TNHH MTV Xây dựng X (gọi tắt là Công ty X). Theo đó Công ty T bán cho Công ty X bê tông

thương phẩm giao tại Dự án The Lotus Cam Ranh, thuộc phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Đến tháng 7/2022, căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 28/4/2021 và hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/3/2021 hai công ty đã ký với nhau biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, xác định Công ty X còn phải thanh toán cho Công ty T số tiền 474.065.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty X đã không thanh toán đầy đủ và kịp thời cho Công ty T như thỏa thuận đã ký. Sau khi Công ty T khởi kiện tại Tòa án thì ngày 22/11/2023 Công ty X đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng nên số tiền nợ gốc còn lại là 374.065.000đ đồng. Theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng kinh tế quy định: *"...Nếu quá hạn nêu trên mà bên A chưa thanh toán thì bên A phải trả lãi suất theo lãi suất tiền vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho số nợ quá hạn tương ứng và Bên B có quyền ngưng cung cấp bê tông"*. Vì vậy, số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ Công ty T yêu cầu Công ty X phải chịu lãi suất quá hạn tính theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 6,5%/năm, lãi quá hạn là 150%, cụ thể như sau:

- Tiền lãi từ ngày 01/8/2022 đến ngày 22/11/2023 được tính trên số tiền nợ gốc 474.065.000 đồng với thời gian 15 tháng 21 ngày là: 60.286.902 đồng. {((474.065.000 x 0,54%) x 15 tháng) x 150%)) + ((474.065.000 x 0,018%) x 21 ngày) x 150%)) = 60.286.902 đồng)}.

- Tiền lãi từ ngày 23/11/2023 đến ngày 01/02/2024 được tính trên số tiền nợ gốc 374.065.000 đồng với thời gian 02 tháng 09 ngày là: 6.968.830 đồng. {((374.065.000 x 0,54%) x 02 tháng) x 150%)) + (374.065.000 x 0,018%) x 9 ngày) x 150%)) = 6.968.830 đồng)}.

Quá trình giải quyết vụ án Công ty T đã xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Công ty X phải thanh toán cho Công ty T số tiền nợ gốc 374.065.000 đồng và tiền lãi quá hạn do chậm thực hiện nghĩa vụ là 67.255.732 đồng. Tổng số tiền yêu cầu tính đến ngày 01/02/2024 là 441.320.732 đồng. Công ty T yêu cầu Công ty X tiếp tục chịu lãi suất quá hạn trên số tiền gốc chậm trả kể từ ngày 02/02/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn Công ty X đã được Tòa án thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào các ngày 15/01/2024 và ngày 01/02/2024 nhưng đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn Công ty X được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng

quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T là bà Võ Thị Kim Chung và bị đơn Công ty X được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 10/6/2017, Công ty T và Công ty X đã ký kết hợp đồng kinh tế về việc cung cung cấp bê tông thương phẩm số 10.06/2017/HĐKT/PX-TTP. Nguyên đơn cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán nhưng bị đơn đã nhận đủ hàng nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền mua hàng.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Theo Điều 2 của Hợp đồng kinh tế về việc cung cung cấp bê tông thương phẩm số 10.06/2017/HĐKT/PX-TTP ngày 10/6/2017 thì Công ty X đồng ý mua, Công ty T đồng ý bán bê tông thương phẩm cho Công ty X để thi công công trình "The Lotus Cam Ranh". Công ty T đã giao hàng đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tháng 7/2022, sau khi thực hiện xong hợp đồng Công ty T và Công ty X đã ký "Biên bản đối chiếu & xác nhận công nợ" xác nhận số tiền Công ty X còn phải thanh toán là 474.065.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận, ngày 22/11/2023 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000 đồng. Xét thấy sự thừa nhận của nguyên đơn là không vi phạm pháp luật, đồng thời có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Vì vậy, số tiền bị đơn còn phảin thanh toán là 374.065.000 đồng. Hợp đồng kinh tế đã ký kết thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Khi hợp đồng đã thực hiện xong, bên bán đã giao đủ hàng nhưng bên mua không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo thỏa thuận của hợp đồng. Quá trình tố tụng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình về việc không thừa nhận chữ ký, mộc dấu của mình trong các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp; đồng thời bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại 374.065.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xem xét yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Theo Điều 3 Hợp đồng kinh tế quy định: *"...Bên A thanh toán cho Bên B 70% giá trị khối lượng đối chiếu trong vòng 05 (năm) ngày sau khi có kết quả nén mẫu R7. Bên A thanh toán tiếp cho Bên B 30% giá trị còn lại của khối lượng đối chiếu trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày sau khi nhận được kết quả nén mẫu R28. ...Nếu quá hạn nêu trên mà bên A chưa thanh toán thì bên A phải trả lãi suất theo lãi suất tiền vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho số nợ quá hạn tương ứng và Bên B có quyền ngưng cung cấp bê tông"*. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa

thuận về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sẽ được tính theo lãi suất tiền vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn yêu cầu tính theo lãi suất vay ngắn hạn là 6,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại nên được chấp nhận.

Mức lãi suất được áp dụng là 6,5%/năm (tương đương 0,54%/tháng và 0,018%/ngày), lãi quá hạn 150%. Bị đơn không cung cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ về việc đã thanh toán nên lãi suất chậm thanh toán được tính từ ngày 01/8/2022 và được tính giảm dần theo số tiền gốc và thời gian đã thanh toán theo xác định của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Tiền lãi từ ngày 01/8/2022 đến ngày 22/11/2023 được tính trên số tiền nợ gốc 474.065.000 đồng với thời gian 15 tháng 21 ngày là: 60.286.902 đồng. [{((474.065.000 x 0,54%) x 15 tháng) x 150%)} + {((474.065.000 x 0,018%) x 21 ngày) x 150%)) = 60.286.902 đồng)}].

Tiền lãi từ ngày 23/11/2023 đến ngày 01/02/2024 được tính trên số tiền nợ gốc 374.065.000 đồng với thời gian 02 tháng 09 ngày là: 6.968.830 đồng. [{((374.065.000 x 0,54%) x 02 tháng) x 150%)) + (374.065.000 x 0,018%) x 9 ngày) x 150%)) = 6.968.830 đồng)}].

Như vậy, tổng số tiền lãi suất chậm trả buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 01/02/2024 là 67.255.732 đồng. Tiền lãi trên số tiền gốc chậm trả sẽ được tiếp tục tính từ ngày 02/02/2024 cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 431, 432, 433, 434, 440 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với Công ty TNHH MTV Xây dựng X về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng X phải thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền 441.320.732đ (bốn trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm hai mươi nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).

Trong đó:

+ Tiền gốc là 374.065.000đ (ba trăm bảy mươi bốn triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

+ Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 01/02/2024 là 67.255.732đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).

Lãi suất chậm trả trên số tiền gốc chưa thanh toán là 374.065.000 đồng được tiếp tục tính kể từ ngày 02/02/2024 theo mức lãi suất 6,5%/năm (tương đương 0,54%/tháng và 0,018%/ngày), lãi quá hạn 150% cho đến khi Công ty TNHH MTV Xây dựng X thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV Xây dựng X phải nộp số tiền 10.826.415đ (mười triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm mười lăm đồng).

- Trả lại cho Công ty TNHH T số tiền 12.276.017đ (mười hai triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm mười bảy đồng) theo biên lai thu tiền số 0007026 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân